

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP LUMEX VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP LUMEX VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LUMEX VIET NAM AGRICULTURE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LUMEX .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0105740851

3. Ngày thành lập: 19/12/2011

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 16, Tòa nhà VINACONEX 9, đường Phạm Hùng, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979808318

Fax:

Email: lumex@yahoo.com.vn

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012(Chính)
2.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
3.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
4.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
5.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
6.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
7.	Đúc sắt, thép	2431
8.	Đúc kim loại màu	2432
9.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
10.	Khai thác gỗ (Trừ loại Nhà nước cấm)	0221
11.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (Trừ loại lâm sản Nhà nước cấm)	0222
12.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
13.	Khai thác quặng sắt	0710
14.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt Chi tiết: Khai thác quặng bôxít Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt chưa được phân vào đâu	0722
15.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
16.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
17.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891

18.	Khai thác muối	0893
19.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: + Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác... + Đá quý, bột thạch anh, mica...	0899
20.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
21.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
22.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
23.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
24.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
25.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
26.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Rang và lọc cà phê ; - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc ; - Sản xuất các chất thay thế cà phê ; - Trộn chè và chất phụ gia ; - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm ;	1079
27.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
28.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Chi tiết: - Sản xuất gỗ dán, bìa giấy đủ mỏng để sử dụng dán hoặc làm gỗ dán hoặc sử dụng cho các mục đích khác như: + Tấm gỗ được làm nhẵn, nhuộm, phủ, thấm tẩm, tăng cường (có giấy hoặc vải lót sau), + Làm dưới dạng rời, - Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự, - Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ, - Sản xuất gỗ ván ghép và vật liệu dùng để cách nhiệt bằng thủy tinh, - Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng.	1621
29.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
30.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
31.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
32.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
33.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210

34.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5510
35.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, véc ni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663
36.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)	4669
37.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
38.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
39.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
40.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
41.	Bán buôn gạo	4631
42.	Bán buôn thực phẩm	4632
43.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ phân bón	4773
44.	Đại lý Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá	46101
45.	Môi giới Chi tiết: Môi giới thương mại	46102
46.	Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	BÙI ĐÌNH LUÂN	Khu 9, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	576.000	5.760.000.000	96,000	150074284	
			Tổng số	576.000	5.760.000.000	96,000		
2	DƯƠNG QUANG LƯ	Nhà 905, CT1 - 2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	12.000	120.000.000	2,000	013339501	
			Tổng số	12.000	120.000.000	2,000		
3	NGUYỄN THỊ DUNG	Khu phố 3, Thị trấn Ninh Giang, Huyện Ninh Giang, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	12.000	120.000.000	2,000	141891879	
			Tổng số	0	120.000.000	2,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BÙI ĐÌNH LUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/03/1949

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 150074284

Ngày cấp: 07/03/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 9, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Nhà 406, CT1 - 2 Khu đô thị Mỹ Trì Hạ, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội